

# NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

*Nguyễn Thanh Bình\**

**T**rong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay ở Việt Nam, công ty cổ phần là một trong những loại hình chủ thể kinh doanh tạo ra các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu tiêu dùng của đời sống kinh tế - xã hội. Ở một khía cạnh nhất định, so với các loại hình doanh nghiệp khác như: doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... thì công ty cổ phần có những nét riêng biệt, cần được lưu ý và tạo điều kiện để loại hình doanh nghiệp này có thể phát huy được những ưu thế vốn có của nó. Vì vậy, khi nghiên cứu về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần, xuất phát từ những đặc điểm riêng biệt của đối tượng quản lý là loại hình doanh nghiệp này, chúng tôi thấy có thể nêu ra và bàn luận về một số điểm đặc trưng của quản lý nhà nước đối với công ty cổ phần như sau:

*Đặc trưng thứ nhất của quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần thể hiện ở chỗ: Nhà nước sử dụng công cụ pháp luật để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong tổ chức và hoạt động của một chủ thể kinh doanh được đặc trưng bởi sự tham gia của rất nhiều tổ chức, cá nhân cùng góp vốn, nhưng không phải tất cả đều trực tiếp tham gia vào việc điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh của công ty. Sự quản lý,*

*điều chỉnh bằng pháp luật này từ phía Nhà nước cũng có nghĩa là tạo lập những hành lang và an toàn pháp lý cần thiết, không thể thiếu cho sự hình thành, hoạt động và phát huy những mặt ưu việt vốn có của loại hình công ty này.*

Là một thực thể kinh doanh tồn tại trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoạt động của công ty cổ phần có những ảnh hưởng, tác động sâu sắc nhất định đến đời sống kinh tế - xã hội và ngược lại bản thân nó cũng bị chi phối bởi các điều kiện thực tại của đời sống kinh tế - xã hội. Trước hết, xét về phương diện các thành tố cấu thành trong tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần, thì đây là một loại hình công ty đối vốn có số lượng sáng lập viên và thành viên tham gia mua cổ phiếu để trở thành cổ đông của công ty thường rất đông để có thể huy động, tập trung và tích tụ một lượng vốn lớn cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như phát huy sức mạnh trí tuệ cho sự điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm có được khả năng sinh lợi cao hơn và góp phần đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, pháp luật của hầu hết các nước đều không giới hạn số lượng thành viên tối đa của công ty cổ phần. Mặt khác, các cổ đông của công ty cổ phần lại không nhất thiết phải có quan hệ quen biết hay ràng buộc nhau về điều kiện nhân thân và do số lượng rất đông như vậy, cho nên quyền điều hành, quản lý trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chỉ có thể giao

\* Giảng viên, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

cho một số hoặc một nhóm cổ đông nhất định và thường là các cổ đông chiếm đa số cổ phần nắm giữ. Do đó, nhằm tránh và ngăn chặn nguy cơ của sự lạm dụng quyền lực công ty để trục lợi thì rất cần có sự “can thiệp”, quản lý, điều tiết và kiểm soát nhiều hơn từ phía nhà nước và bằng pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong tổ chức và hoạt động của loại hình công ty này so với các loại hình doanh nghiệp khác.

Đặc điểm quan trọng của công ty cổ phần còn thể hiện ở chỗ: khi tham gia công ty cổ phần để cùng tiến hành hoạt động kinh doanh dưới danh nghĩa của công ty, các cổ đông cũng quan tâm đến khả năng tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát hoạt động của công ty cũng như khả năng mang lại lợi nhuận cũng như gánh chịu rủi ro theo tỷ lệ tương ứng với giá trị cổ phiếu mà họ sở hữu theo như Điều lệ của công ty cổ phần. Tuy nhiên, trong công ty cổ phần, việc quản lý lại cần phải được tập trung hóa thông qua các cơ chế và cơ quan điều hành do các cổ đông bầu ra hay thông qua đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông được coi là cơ quan có quyết định cao nhất của công ty cổ phần, được xem như là “nghị viện” của công ty. Thế theo Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo định kỳ hay bất thường hàng năm một lần để xem xét những vấn đề quan trọng, mang tính nguyên tắc, chiến lược và kế hoạch quyết định đến sự thành, bại hay phát triển của công ty. Giữa các kỳ họp của Đại hội đồng cổ đông, việc điều hành và quản lý trực tiếp các hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thuộc thẩm quyền và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong số các cổ đông của công ty. Đây là cơ quan quản trị, điều hành cao nhất trong công ty cổ phần. Cổ đông được bầu là thành viên của Hội

đồng quản trị phải là cổ đông sở hữu một số lượng cổ phiếu tối thiểu theo qui định trong điều lệ của công ty cổ phần. Hội đồng quản trị sẽ bầu một thành viên làm chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm tổng giám đốc (giám đốc) công ty cổ phần và thế theo điều lệ công ty được giao quyền trực tiếp điều hành, quản trị hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Trong trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần không kiêm chức tổng giám đốc (giám đốc) công ty, thì giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị cử một người trong số họ đảm nhận hoặc thuê người khác làm tổng giám đốc (giám đốc) công ty cổ phần. Tổng giám đốc (giám đốc) là người đại diện theo pháp luật cho công ty cổ phần, trừ trường hợp điều lệ công ty qui định Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Như vậy, cơ chế tổ chức và quản lý trong công ty cổ phần có điểm đặc thù là ở chỗ: Việc quản lý được tập trung vào Hội đồng quản trị do các cổ đông được quyền tham dự Đại hội cổ đông bầu ra thay cho toàn bộ các cổ đông. Mặc dù cổ đông có quyền bầu, bãi miễn giám đốc, nhưng rõ ràng là không thể trực tiếp tham gia vào việc quản lý công ty hay can thiệp trực tiếp vào các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh của Hội đồng quản trị hay tổng giám đốc (giám đốc). Cơ chế tổ chức và quản lý đặc trưng này của công ty cổ phần tạo ra khả năng quản lý tập trung chuyên nghiệp, tách biệt với chủ sở hữu là cổ đông và điều này tạo nên khả năng quản lý có hiệu quả cao hơn, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ của việc lạm dụng quyền hành để trục lợi của những chủ thể được giao nắm quyền điều hành, quản lý trực tiếp. Điều đó đặt ra yêu cầu, đòi

hỏi khách quan là Nhà nước cần sử dụng công cụ pháp luật để điều chỉnh kịp thời và hiệu quả các quan hệ phát sinh trong tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần để một mặt tạo lập cho công ty cơ chế quản lý, kiểm soát, điều hành hoạt động mang tính linh hoạt và dân chủ nhưng đồng thời cũng cần có khả năng hạn chế nguy cơ lạm dụng quyền hành và vị thế để trục lợi của một số cổ đông nắm giữ đa số cổ phần hoặc ở vị thế trực tiếp nắm giữ quyền điều hành, quản lý trong công ty cổ phần. Do đó, so với các loại hình doanh nghiệp khác, các vấn đề về cơ cấu tổ chức và cơ chế điều hành doanh nghiệp của công ty cổ phần tuy vẫn thuộc quyền định đoạt của chính các chủ sở hữu doanh nghiệp nhưng vẫn cần và vẫn phải chịu sự “can thiệp” sâu hơn của Nhà nước bằng pháp luật, chẳng hạn như: nhà nước có các quy phạm pháp luật mang tính “mệnh lệnh” hay khuôn mẫu về các vấn đề cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần<sup>1</sup>, về nghĩa vụ, những hạn chế hay điều cấm một số hành vi nhất định cũng như trách nhiệm pháp lý của những chủ thể nắm giữ các chức danh quản lý trong công ty cổ phần<sup>2</sup>, về điều kiện để đảm nhận một số chức danh quản lý của công ty cổ phần<sup>3</sup>, v.v.

*\* Đặc trưng thứ hai của quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần thể hiện ở chỗ sự quản lý đó tác động và điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong việc hội vốn, phát hành chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu công ty) và các giao dịch chứng khoán có liên quan của công ty cổ phần.*

<sup>1</sup> Xem Điều 53 Khoản 2; Điều 69; Điều 80; Điều 85 Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999

<sup>2</sup> Xem Điều 3 Khoản 14; Điều 55 Khoản 3; Điều 56 Khoản 3; Điều 58; Điều 86; Điều 87; Điều 91 Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999

<sup>3</sup> Xem Điều 90 Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999

Công ty cổ phần là một pháp nhân kinh tế, một thực thể pháp lý được hình thành, tồn tại và hoạt động trên cơ sở hội vốn của số đông cổ đông thông qua phát hành chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu công ty) và các giao dịch chứng khoán có liên quan của công ty cổ phần. Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp được phép và có khả năng huy động vốn cổ phần từ công chúng thông qua việc phát hành chứng khoán. Nếu một công ty cổ phần lại được niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán thì phạm vi và khả năng gọi vốn từ công chúng sẽ cao hơn và hệ quả là công ty nào thu hút được nhiều vốn hơn sẽ thuận lợi hơn trong môi trường kinh doanh. Vốn quyết định và chi phối toàn bộ hoạt động, quan hệ nội bộ cũng như quan hệ với các đối tác bên ngoài của công ty cổ phần. Khi thành lập, công ty cổ phần hình thành vốn điều lệ thông qua hình thức hội vốn từ các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác của công ty. Trong quá trình hoạt động, khi hội đủ điều kiện theo luật định công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng để huy động vốn. Các quy luật kinh tế thị trường chỉ ra rằng sự lưu thông hàng hóa đòi hỏi phải có sự lưu thông tiền tệ cũng như sự chu chuyển vốn. Sự tồn tại và phát triển của công ty cổ phần đòi hỏi phải có các khả năng và những hình thức pháp lý thích hợp cho việc huy động và sự luân chuyển các nguồn vốn trong nền kinh tế. Việc huy động vốn của công ty cổ phần cũng chịu sự chi phối khách quan của các qui luật kinh tế, nhưng do huy động vốn từ công chúng, tức là từ những chủ thể không có sự quen biết hoặc ràng buộc nhau về điều kiện nhân thân cho nên các quan hệ và hành vi giao dịch huy động vốn có liên quan rất cần có sự thừa nhận và đảm bảo an toàn pháp lý từ phía nhà nước. Điều này đặt ra một đòi hỏi là Nhà

*nước cân tác động và điều chỉnh bằng pháp luật các quan hệ phát sinh trong việc tạo lập cơ chế hội vốn, cách thức quản lý vốn để có thể đáp ứng được sự vận động linh hoạt của vốn trong công ty cổ phần sao cho vừa thích ứng với yêu cầu đòi hỏi đa dạng của các nhà đầu tư, vừa không mất đi bản chất vốn có của công ty cổ phần. Điều đó có nghĩa là trong công ty cổ phần khả năng chuyển dịch các cổ phiếu được thực hiện một cách dễ dàng, song tư cách pháp nhân của công ty cổ phần không vì sự chuyển dời này mà bị thay đổi. Các cổ phiếu của công ty cổ phần về cơ bản không có thời hạn thanh toán, chúng tồn tại chừng nào công ty cổ phần tồn tại và người sở hữu cổ phiếu không được rút vốn ra khỏi công ty cổ phần. Khi không muốn đầu tư vào công ty nữa và muốn thu lại số tiền đã mua cổ phiếu, người sở hữu cổ phiếu chỉ có thể bán lại cổ phiếu cho người khác. Trong một số trường hợp theo luật định, cổ đông có quyền yêu cầu công ty cổ phần mua lại số cổ phiếu của mình khi cổ đông đó phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại điều lệ của công ty cổ phần<sup>4</sup>.*

Việc mua bán các cổ phiếu được thực hiện trên thị trường chứng khoán. Chính nhờ tính chất có thể chuyển nhượng của các cổ phiếu mà công ty cổ phần có được tính ưu việt so với các loại hình doanh nghiệp khác nhất là về khả năng hội vốn. Khi muốn tìm kiếm lợi nhuận mà không sợ đồng vốn của mình bị “ứ đọng” các nhà đầu tư thường mua cổ phiếu của các công ty cổ phần, vì họ có thể chuyển vốn đầu tư của mình từ công ty cổ phần này sang công ty cổ phần khác hay từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác một cách

dễ dàng và thuận tiện. Cổ phiếu đã trở thành công cụ huy động vốn cực kỳ hiệu quả của công ty cổ phần, làm cho công ty cổ phần trở nên có sức hấp dẫn không chỉ đối với những ai có tính mạo hiểm trong kinh doanh mà còn thu hút mạnh mẽ sự quan tâm của công chúng. “Không có sáng kiến tìm ra cổ phiếu thì không thể nghĩ đến phát triển. Cổ phiếu đã trở thành công cụ để chuyển những dành dụm trong mọi tầng lớp dân cư vào đầu tư sản xuất. Cổ phiếu tạo điều kiện tách bạch chức năng của nhà kinh doanh với chức năng của nhà cấp vốn. Một người có tài kinh doanh có thể trở thành nhà kinh doanh ngay cả khi anh ta không giàu”<sup>5</sup>. Trong mỗi cổ phiếu có thể hàm chứa các yếu tố: lợi tức cổ phần; sở hữu; quyền tham gia quản lý công ty; quyền được mua cổ phiếu phát hành mới; quyền chuyển nhượng. Như vậy, tùy thuộc vào mục đích khác nhau của cổ đông mà yếu tố này hay yếu tố khác được nhấn mạnh. Để đáp ứng nhu cầu khác nhau của các nhà đầu tư, Nhà nước thông qua phương tiện pháp luật quy định các loại cổ phiếu của công ty cổ phần<sup>6</sup>, điều kiện và quyền quyết định phát hành các loại cổ phiếu cho công ty cổ phần<sup>7</sup>. Khi phát hành cổ phiếu điều mà mọi người quan tâm là giá trị pháp lý của cổ phiếu. Tùy theo nhu cầu của nhà đầu tư, điều lệ công ty có thể nhấn mạnh hoặc thậm chí có thể triệt tiêu một vài yếu tố. Các cổ phiếu như vậy lưu hành trong nội bộ công ty. Chỉ khi tham gia trên thị trường chứng khoán cổ phiếu mới phải đáp ứng đầy đủ các yếu tố. *Việc hội vốn và phát hành chứng khoán của các công ty cổ phần cần thiết phải có sự quản lý của Nhà nước thông qua công cụ pháp luật nhằm*

<sup>5</sup> Prof.Dr.Wolfran Engels-“Thị trường chứng khoán và công ty”- Hà Nội -1989.

<sup>6</sup> Điều 52 Luật Doanh nghiệp ngày 12 / 6 / 1999

<sup>7</sup> Điều 6; Điều 7 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP

Xem Điều 64 Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999

*kiểm soát và hạn chế các hành vi gian lận, trục lợi của các công ty cổ phần, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư và toàn xã hội.*

*\* **Đặc trưng thứ ba:** Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần là việc bảo đảm cơ sở pháp lý trong tổ chức và vận hành nền dân chủ “cổ phiếu”.*

Đặc điểm cơ bản tạo nên sự khác biệt giữa công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn chính là yếu tố hình thành nên vốn điều lệ và cơ chế huy động vốn. Vốn điều lệ trong công ty cổ phần được chia thành những phần bằng nhau gọi là cổ phần và được thể hiện dưới hình thức cổ phiếu. Việc góp vốn vào công ty cổ phần được thực hiện bằng cách mua cổ phiếu. Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty cho đến hết giá trị cổ phiếu mà họ sở hữu. Vì vậy, việc sở hữu, nắm giữ phần lớn số vốn trong công ty sẽ là cội nguồn của việc tham gia nắm giữ quyền lực công ty, là cơ sở xác định cơ chế quản lý, điều hành, quyết định vận mệnh của công ty cổ phần và nó cũng là cơ sở phân chia các lợi ích giữa những người sở hữu vốn. Khi nhìn vào số lượng cổ phiếu mà người đó sở hữu, chúng ta có thể biết được quyền lực thực sự của họ như thế nào đối với công ty cổ phần. Nhưng công bằng mà nói vốn trong công ty cổ phần cũng là bảo đảm tài sản cho các chủ nợ của công ty. Người góp vốn hưởng quyền lợi của công ty cổ phần tùy theo giá trị tài sản mà người đó đưa vào để công ty cổ phần sử dụng, nhưng đồng thời họ cũng phải gánh chịu những rủi ro khi công ty cổ phần gặp phải trong phạm vi phần vốn cổ phần của họ. Như vậy, về nguyên tắc các cổ đông đều bình đẳng trong việc hưởng lợi nhuận và chịu trách nhiệm khi công ty cổ phần thua lỗ tương ứng với giá trị

số vốn của họ có trong công ty. Như trên đã phân tích thể lực của một cổ đông trong quan hệ với cổ đông khác được biểu thị bằng số cổ phiếu mà người đó sở hữu. Trọng lượng tiếng nói của cổ đông luôn luôn tỷ lệ thuận với số vốn mà họ có. Chính vì vậy nếu một người ít vốn trong công ty cổ phần họ trở nên “thấp cổ, bé họng”. Muốn tăng cường vị thế của mình và để không trở thành cổ đông thiểu số, họ phải tăng số lượng cổ phiếu nắm giữ. Là loại hình công ty đối vốn, nên các cổ đông khi tham gia mua cổ phiếu trong công ty cổ phần điều quan tâm lớn nhất của họ là số cổ phiếu mà từng cổ đông nắm giữ. Điều này hoàn toàn khác trong hình thức doanh nghiệp là hợp tác xã - một tổ chức kinh tế tập thể. Khi xã viên góp vốn và công sức vào hợp tác xã, dù có người góp nhiều, người góp ít, nhưng khi tham gia biểu quyết các vấn đề trong tổ chức, quản lý hợp tác xã thì mọi xã viên đều bình đẳng, mỗi người đều biểu quyết một lá phiếu và các lá phiếu này có giá trị như nhau. Trong công ty cổ phần, quyền biểu quyết của các cổ đông tùy thuộc vào số cổ phiếu và loại cổ phiếu mà cổ đông đó nắm giữ. Có thể nói rằng, việc biểu quyết thông qua các quyết định liên quan đến đời sống của công ty cổ phần được thực hiện bởi nền dân chủ “cổ phiếu”. Như vậy, để hạn chế sự lạm quyền của những người nắm quyền quản lý đối với toàn bộ hoạt động của công ty, để bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông thiểu số và để có tiếng nói dân chủ trong việc tham gia quản lý công ty, *Nhà nước cần thiết lập công cụ quản lý bằng pháp luật thông qua việc cho phép các cổ đông khi tham gia vào công ty cổ phần cần xác định rõ trong điều lệ công ty những qui định ràng buộc về số cổ phiếu tối đa một người nắm giữ, cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi cổ đông*

*tối thiểu và cần xây dựng một cơ chế kiểm soát chặt chẽ để đối phó với những tình huống bất lợi xảy ra trên thực tế.*

*\* **Đặc trưng thứ tư:** Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần nhằm tăng cường khả năng kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm.*

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các chủ thể kinh doanh luôn luôn theo đuổi mục tiêu lợi nhuận. Mục tiêu của các công ty cổ phần là lợi nhuận cho chính công ty và gia tăng vốn đầu tư của cổ đông. Hai mục tiêu này không thể tách rời nhau do cái trước thúc đẩy cái sau. Người bỏ vốn đầu tư, người quản lý, nhân viên của công ty cổ phần cũng lấy mục tiêu này là mục tiêu của mình để tham gia vào công ty cổ phần. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của mình công ty cổ phần thiết lập nhiều quan hệ với nhiều đối tượng chủ thể khác nhau và trên thực tế khi xác lập các giao dịch này có thể chứa đựng các “xung đột” về lợi ích mà trong khoa học pháp lý hiện nay người ta gọi là “giao dịch tư lợi”. Trong các giao dịch này, quyền lợi của công ty cổ phần, các cổ đông (đặc biệt là cổ đông thiểu số) và của các chủ nợ của công ty có nguy cơ bị xâm hại do các chủ thể thiết lập giao dịch với công ty cổ phần là “người liên quan” của công ty. Những người này trực tiếp quyết định hoặc có ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định về việc thiết lập giao dịch tư lợi nên họ có thể trực tiếp hay gián tiếp thu được lợi từ các giao dịch đã thiết lập nếu không có sự kiểm soát cần thiết bằng pháp luật từ phía nhà nước thông qua việc qui định bắt buộc công khai hóa các giao dịch tư lợi và lợi ích có liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần. Việc công khai hoá giao dịch tư lợi và lợi ích có liên quan là một trong những nội dung mới mà Luật

Doanh nghiệp 1999 quy định. Hoạt động của một công ty cổ phần gồm hàng loạt các giao dịch với rất nhiều chủ thể pháp lý khác nhau, một số các giao dịch nói trên có thể chứa đựng các xung đột về quyền lợi.

Các giao dịch xảy ra xung đột về quyền lợi gồm: (i) Giao dịch giữa Công ty và người quản lý Công ty; (ii) Giao dịch giữa Công ty và bố mẹ, anh chị em ruột của người quản lý Công ty; giao dịch giữa Công ty và cổ đông lớn của Công ty; (iii) giao dịch các Công ty con của cùng một Công ty mẹ; (iv) Giao dịch giữa các Công ty và Công ty khác, trong đó người quản lý công ty có thể là cổ đông đa số, hoặc họ bố mẹ, anh chị em ruột của họ là thành viên đa số.

Các giao dịch trên đây được coi như là giao dịch tư lợi ( hoặc giao dịch khả nghi) vì những người trực tiếp quyết định hoặc có ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định đều có thể trực tiếp hay gián tiếp thu được lợi từ các giao dịch nói trên. Xác suất xảy ra thiệt hại cho công ty, cho chủ nợ và cho cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số trong việc thực hiện các giao dịch trên là rất lớn. Vì vậy, rất cần có sự “can thiệp” của nhà nước bằng các quy định pháp luật nhằm giám sát, kiểm soát các giao dịch này. Qua tìm hiểu một số hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần ở nước ta hiện nay, có thể nói đã xuất hiện các giao dịch tư lợi nói trên đã được thực hiện. Ví dụ như: (i) Giám đốc, cổ đông đa số của công ty vay tiền của công ty hoặc cho bố mẹ, anh chị em vay, thậm chí cho bạn bè vay với điều kiện tín dụng dễ dàng hơn so với thị trường; (ii) Giám đốc công ty quyết định bán hàng với giá rẻ hơn cho công ty khác trong đó bản thân giám đốc hoặc bố mẹ, anh chị em là cổ đông hoặc thành viên đa số, hoặc mua từ công ty khác với giá cao

hơn giá thị trường cùng loại; (iii) Người quản lý công ty sau nhượng lại thị trường, hợp đồng kinh tế hoặc tiết lộ thông tin, kết quả bỏ thầu của công ty mình cho Công ty khác trong đó bản thân giám đốc hoặc bố mẹ, anh chị em ruột là cổ đông hoặc thành viên đa số v.v. Pháp luật về công ty của các nước đều có những qui định để kiểm soát các giao dịch tư lợi trong công ty cổ phần. Biện pháp pháp lý mà các nước đưa ra trong trường hợp này bao gồm: Một là, Nhà nước có thể tác động để ngăn chặn tình trạng này bằng cách quy định trong luật hoặc là điều cấm những người có liên quan của công ty thiết lập giao dịch với công ty và ngược lại cấm công ty giao dịch với những người liên quan có lợi ích gián tiếp hoặc trực tiếp hoặc hai là các giao dịch nói trên có thể được phép thực hiện với điều kiện các giao dịch đó phải được công khai hoá và những người có lợi ích trực tiếp hay gián tiếp không có quyền biểu quyết về giao dịch mà họ có lợi ích liên quan. Luật Doanh nghiệp 1999 tiếp cận theo hướng thứ hai vì nó hợp lý và có lợi hơn cho cả nhà nước và bản thân công ty cổ phần. Đối với nhà nước nếu một khi đã mang lại lợi ích cho các chủ thể mà nhà nước can thiệp, cấm đoán thì họ càng tìm mọi cách để trục lợi và hoạt động ngấm ngấm, từ đó dẫn đến hệ quả là nhà nước không thể kiểm soát hiệu quả và thiệt hại xảy ra nhiều khi rất lớn. Đối với bản thân công ty cổ phần khi các giao dịch tư lợi được kiểm soát thông qua biện pháp giám sát công khai theo những thủ tục pháp lý chặt chẽ không chỉ bảo đảm lợi ích của công ty cổ phần không bị xâm hại từ các giao dịch tư lợi mà còn đảm bảo cho công ty cổ phần có được lợi ích từ giao dịch tư lợi.

Như đã phân tích ở trên, kinh tế thị trường là nền kinh tế năng động mà động lực cho sự hoạt động của nó chính là lợi nhuận của các nhà kinh doanh. Chính vì sức hút của động lực lợi nhuận quá lớn nên có thể có một số cá nhân bất chấp pháp luật, đạo đức và không từ bỏ bất cứ thủ đoạn nào để đạt tới mục đích lợi nhuận. Các hành vi vi phạm pháp luật mà các đối tượng này thực hiện hết sức tinh vi và đa dạng, nó đi từ cấp độ đơn giản đến phức tạp, từ các vi phạm hành chính đến cả các hành vi vi phạm pháp luật hình sự như: khai man về số lượng người mua cổ phần của công ty, công bố thông tin sai sự thật nhằm thu hút người mua cổ phần, mua bán nội gián các cổ phiếu trong công ty cổ phần, thông đồng với công ty kiểm toán để đưa ra kết quả kiểm toán không đúng sự thật... *Rõ ràng việc tăng cường khả năng kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của các công ty cổ phần là một nội dung quan trọng trong chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước. Chức năng này chỉ phát huy tác dụng tích cực và hiệu quả trong điều kiện Nhà nước tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với các công ty cổ phần.*

*\* Đặc trưng thứ năm: Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần là tạo ra khả năng tối đa hóa lợi thế so sánh trong cạnh tranh của công ty cổ phần trong xu hướng toàn cầu hoá kinh tế.*

Công ty cổ phần ở nước ta cần phải là hình thức tổ chức kinh doanh hiện đại trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ưu thế của nó thể hiện ở điểm vượt trội mà không phải loại hình doanh nghiệp nào cũng đáp ứng được và ngày càng trở thành loại hình tổ chức kinh doanh được ưa chuộng nhiều nhất ở các nước công nghiệp

phát triển. Do có khả năng hội vốn và phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty cổ phần có tiềm lực tài chính cao hơn, có khả năng vươn tầm hoạt động không chỉ bó hẹp trong phạm vi quốc gia mà vươn ra nhiều vùng lãnh thổ khác nhau. Trong xu hướng cạnh tranh có tính chất toàn cầu như hiện nay thì yếu tố về vốn chi phối rất mạnh mẽ khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Đối với Việt Nam trong công cuộc chấn hưng nền kinh tế hiện nay, tận dụng những ưu thế vốn có của công ty cổ phần, chúng ta đã tiến hành quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và hiện tại thí điểm cho phép một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần nhằm thu hút tốt hơn các nguồn vốn đầu tư, tăng cường khả năng cạnh tranh cũng như trình độ quản lý doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh đứng trước những yêu cầu, cơ hội và thách thức của việc hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Các công ty cổ phần với những lợi thế của mình sẽ không ngừng khai thác các tiềm năng về vốn, cơ chế quản lý và hiệu quả kinh doanh để tạo động lực thu hút các loại hình doanh nghiệp khác cùng phát triển.

Để đạt được mục tiêu đề ra trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà nước sẽ xác lập các cơ chế hỗ trợ và phục vụ hoạt động của các công ty cổ phần bằng công cụ pháp luật nhằm phát huy tối đa và khai thác một cách có hiệu quả các ưu điểm của loại hình doanh nghiệp này trong xu hướng cạnh tranh quốc tế. Chính bằng phương tiện pháp luật mà hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước sẽ phát huy tác dụng, thúc đẩy năng lực cạnh tranh của các công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ việc tạo ra môi trường và hỗ trợ điều kiện phát triển từ phương diện quản lý bằng pháp luật của Nhà nước sẽ định hình những tiền đề pháp lý vững chắc trong việc giúp các công ty cổ phần có thêm nguồn lực tự tin trong quá trình đầu tư mở rộng qui mô kinh doanh và khả năng cạnh tranh của mình với các loại hình doanh nghiệp khác trong nền kinh tế. Như vậy, ngoài các thế mạnh cạnh tranh trên thị trường trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, các công ty cổ phần còn có thêm những đảm bảo về mặt pháp lý từ phía Nhà nước trong môi trường cạnh tranh lành mạnh và an toàn.

**Tóm lại:** Khi nghiên cứu về những đặc trưng cơ bản trong quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần ở Việt Nam, chúng tôi thấy rằng, việc đi sâu tìm hiểu, nhận dạng những nét riêng có tạo nên bản chất và tính hấp dẫn của hoạt động quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần so với các hình thức quản lý của nhà nước đối với các công ty khác trong nền kinh tế là rất cần thiết cho việc thiết lập một mô hình quản lý nhà nước bằng pháp luật thích hợp đối với công ty cổ phần. Qua đó tạo nên sức mạnh trong hoạt động quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần và chỉ có quản lý nhà nước bằng pháp luật mới hình thành một môi trường kinh doanh thuận lợi trong hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần, đồng thời tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát của nhà nước. Từ việc nghiên cứu này sẽ giúp chúng ta có được cái nhìn toàn diện hơn trong quản lý, từ đó giúp Nhà nước có được những chính sách quản lý đúng đắn và phù hợp, yếu tố giúp Nhà nước nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với các công ty cổ phần ở Việt Nam hiện nay.